

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 7 - 2024

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và ông Lương Công Hạnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 88/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXX-ST ngày 12/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Trần Thị Trà N, sinh năm 1988. Địa chỉ: G N, Phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Phan Nguyên V, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn L, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Lê Trần Thị Trà N trình bày: Chị N và anh Phan Nguyên V kết hôn năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống một thời gian ở thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2019 thì về sinh sống tại nhà chồng ở thôn L, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng thì không hạnh phúc, nguyên nhân phát sinh từ việc bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn càng trầm trọng, vợ chồng không hàn gắn được. Chị N đã về nhà mẹ đẻ của chị ở đến nay. Trong thời gian đó, anh V có đến đón con nhưng tình cảm anh chị thì không thể hàn gắn được. Nay chị N không còn tình cảm và yêu cầu ly hôn với anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên: Phan Lê Thùy D, sinh ngày: 30/8/2019. Hiện nay con đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/ tháng từ tháng 6/2024. Hiện anh V đang làm dân quân tự vệ tại Ủy ban nhân dân xã B, mức thu nhập hàng tháng 5.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Phan Nguyên V trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh V đều nhận được giấy triệu tập, giấy báo của toà án nhưng do công việc anh chưa thu xếp được đến Toà. Hôm nay, anh đến Toà để tham gia phiên toà. Sau thời gian tìm hiểu, anh kết hôn với chị N vào năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu về kinh tế và việc chăm sóc con chung Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh V cũng đồng ý ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên: Phan Lê Thùy D, sinh ngày: 30/8/2019. Hiện nay con đang sống với chị N. Khi ly hôn, anh V đồng ý để chị N nuôi con chung, anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng từ tháng 1/8/2024. Khi nào anh có thu nhập cao hơn thì sẽ chu cấp cho con nhiều hơn. Hiện anh V đang làm dân quân tự vệ tại Ủy ban nhân dân xã B, mức thu nhập hàng tháng 5.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 11/6/2024 tại Công an xã B, thành phố T, Phú Yên xác định ông Phan Nguyên V, sinh năm 1984 có đăng ký thường trú tại Thôn L, xã B, thành phố T, Phú Yên. Hiện nay, ông V sinh sống thường xuyên tại địa chỉ trên.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với bị đơn V, yêu cầu được nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con lúc đầu tôi yêu cầu 2,5 triệu đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6/2024. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, tùy thuộc vào bị đơn tự nguyện chu cấp bao nhiêu thì tùy ý. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn V trình bày: Nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau, nguyên đơn yêu cầu ly hôn, bị đơn đồng ý ly hôn yêu cầu toà án giải quyết. Về con chung có 01 con chung là cháu Phan Lê Thùy D, sinh ngày: 30/8/2019. Nay khi ly hôn, đồng ý để chị N nuôi con, đồng ý cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/8/2024 cho đến khi con chung trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên

đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung: Giao cháu Phan Lê Thùy D, sinh năm 2019 cho nguyên đơn chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Tại phiên tòa, bị đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng, nguyên đơn đồng ý nên đề nghị chấp nhận. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị không xét; Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Lê Trần Thị Trà N yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn với bị đơn Phan Nguyên V có địa chỉ thường trú tại thôn L, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Lê Trần Thị Trà N và bị đơn Phan Nguyên V tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 16/5/2016, đảm bảo về điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Nguyên đơn trình bày vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, không có quan điểm sống cùng nhau, không hoà hợp trong cuộc sống, hay cãi vã lẫn nhau phát sinh từ vấn đề tài chính, chi tiêu trong gia đình cũng như quá trình chăm sóc con chung. Chị N không thể ở chung được nên đã về nhà mẹ ruột của chị ở đến nay, nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn, yêu cầu ly hôn. Bị đơn trình bày vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chấp nhận ly hôn.

[4] Xét hai bên đương sự xảy ra mâu thuẫn về kinh tế gia đình, về chăm sóc con chung, về quan điểm sống giữa các bên không có tiếng nói chung, vợ chồng cãi vã, không tôn trọng nhau dẫn đến sống ly thân. Trong thời gian đó, các bên không ai quan tâm, hỏi han lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không được vun vén, không còn cuộc sống gia đình, không còn trách nhiệm và tình thương cho nhau, không cùng nhau chăm sóc con chung, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Xét mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[5] Con chung: Giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là Phan Lê Thùy D, sinh ngày: 30/8/2019. Hiện nay, cháu D đang ở với nguyên đơn, bị đơn đồng ý để nguyên đơn nuôi con. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của cháu D, Hội đồng xét xử xét giao cháu D cho nguyên đơn Nguyễn tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn V cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng nhưng tại phiên toà, nguyên đơn trình bày tùy thuộc vào khả năng của bị đơn cấp dưỡng cho con bao nhiêu thì tùy. Xét tại phiên toà bị đơn tự nguyện cấp dưỡng là 1.000.000đ/tháng nên ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn V, cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình. Phương thức cấp dưỡng thì do các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu toà án giải quyết.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Trần Thị Trà N được ly hôn với bị đơn Phan Nguyên V.

2. *Về con chung*: Giao con chung Phan Lê Thùy D, sinh ngày 30/8/2019 cho nguyên đơn Lê Trần Thị Trà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bị đơn Phan Nguyên V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/8/2024 cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình. Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không giải quyết.

4. *Về án phí HNGĐ-ST*: Nguyên đơn Lê Trần Thị Trà N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0002347 ngày 26/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Nguyên đơn Nguyên đã nộp đủ. Bị đơn Phan Nguyên V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

5. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- UBND xã Bình Kiến (số 33/2016);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Uyên